

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/7/2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phùng Tiến Hồng.

2. Bà: Mã Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST- DS ngày 19/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Đình S, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Bôn Ia Rniu, xã IaTul, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Phụng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Siu H’N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bôn Tul, xã IaTul, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Đình S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình S và chị Siu H'N đăng ký kết hôn ngày 22/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Broái, huyện Ia Pa, (nay là xã IaTul), tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2020 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách của nhau. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Siu H'N.

- Về con chung: Anh S và chị Siu H'N có 03 con chung tên là Phan Siu Đại, sinh ngày 05/12/2013; Phan Siu Ngọc Hiếu, sinh ngày 11/01/2016 và Phan Siu Ngọc Lam, sinh ngày 18/4/2019. Hiện cả 03 con chung đang sống với anh S, anh S nhận nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị Siu H'N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ankhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phan Đình S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn chị Siu H'N, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, chị Siu H'N không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không nộp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Gia Lai có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho anh Phan Đình S được ly hôn chị Siu H'N.

Về con chung: Giao 03 con chung tên là Phan Siu Đại, sinh ngày 05/12/2013; Phan Siu Ngọc Hiếu, sinh ngày 11/01/2016 và Phan Siu Ngọc Lam, sinh ngày 18/4/2019 cho anh Phan Đình S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao

động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phan Đình S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phan Đình S thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ án phí, nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Phan Đình S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Siu H'N có địa chỉ tại Bôn Tul, xã Ia Broái, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai (Nay là Bôn Tul, xã IaTul, tỉnh Gia Lai). Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Bị đơn chị Siu H'N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, tại Ủy ban nhân dân xã và tại trụ sở Tòa án nhân dân để thông báo, triệu tập đến Tòa án làm việc, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị Siu H'N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Siu H'N tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng chị Siu H'N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nay, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn chị Siu H'N theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình S và chị Siu H'N tự nguyện kết hôn và được ủy ban nhân dân xã Ia Broái, huyện Ia Pa (nay là xã IaTul), tỉnh Gia Lai đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/02/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh S, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định trong quá trình chung sống giữa anh S và chị Siu H'N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, dẫn đến việc sau khi kết

hôn về chung sống với nhau đến cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị Siu H'N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh S được ly hôn chị Siu H'N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của anh S được nhận nuôi 03 con chung thấy rằng từ khi chị Siu H'N không chung sống với anh S thì 03 con chung sống cùng với anh S, chị Siu H'N không quan tâm, chăm sóc con chung, các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn, anh S làm nghề sửa xe có thu nhập để nuôi dưỡng cả 03 con chung. Do đó, xét yêu cầu của anh S phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 con chung tên là Phan Siu Đại, sinh ngày 05/12/2013; Phan Siu Ngọc Hiếu, sinh ngày 11/01/2016 và Phan Siu Ngọc Lam, sinh ngày 18/4/2019 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Anh Phan Đình S thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ án phí, nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh S.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Đình S.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Đình S được ly hôn với chị Siu H'N.

2. *Về con chung:* Giao 03 con chung tên là Phan Siu Đại, sinh ngày 05/12/2013; Phan Siu Ngọc Hiếu, sinh ngày 11/01/2016 và Phan Siu Ngọc Lam, sinh ngày 18/4/2019 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Phan Đình S.

4. *Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/7/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đề yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực.12;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban nhân dân xã Ia Tul;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Thịnh